

Số: 142/CNT
No: 142/CNT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025
Ho Chi Minh City, April 29th, 2025

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
 - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Respectfully to: - *State Securities Commission of Vietnam;*
 - *Hanoi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT
1. Name of organization: CNT Group Corporation
- Mã chứng khoán: CNT
- Stock code: CNT
- Trụ sở chính: 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Address: 9-19 (2nd Floor) Ho Tung Mau Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại: 028 3829 5488 Fax: 028 3821 1096
- Tel: 028 3829 5488 Fax: 028 3821 1096
- Email: info@cnt.com.vn

- Loại thông tin công bố: ☐24 giờ ☐bất thường ☐theo yêu cầu ☒định kỳ
- Information disclosure type: ☐24 hours ☐irregular ☐on demand ☒periodic

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure:*

Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT xin công bố Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2025, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và tài liệu đính kèm cuộc họp.

CNT Group Corporation respectfully announce the Meeting Minutes of the 2025 Annual General Meeting of Shareholder, Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholder and attached documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholder.

3. Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang điện tử của công ty vào ngày 29/04/2025 tại đường dẫn: https://cnt.com.vn ở mục Quan hệ cổ đông/Đại hội đồng cổ đông.

3. This information was published on the company's website on April 29th 2025, as in the link <https://cnt.com.vn> at the category **Shareholder relation/General Meeting of Shareholders**.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the information provided is true and correct; we bear the full responsibility to the law./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu: HĐQT/Archives: the BOD.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025;
- Meeting Minutes of the 2025 AGMS dated April 28th, 2025;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025;
- Resolution of the 2025 AGMS dated April 28th, 2025;
- Tài liệu đính kèm cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Attached documents of the 2025 AGMS.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CNT
CNT GROUP REPRESENTATIVE**

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information *nu*



**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRẦN CÔNG QUÝ**



Số: .01../NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT ngày 28/04/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025 (theo Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 2024 và Kế hoạch năm 2025 (theo Báo cáo số 02/BC-BĐH ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025) với một số chỉ tiêu chính như sau:

2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH
1	Giá trị doanh thu thuần hợp nhất	240	233	97%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	145	167	115%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	118	135	114%

2.2. Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
1	Giá trị doanh thu thuần hợp nhất	63,590.90
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	12,516.56
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	9,357.57

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025 (theo Báo cáo số 03/BC-UBKT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 4: Thông qua Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC (theo Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 5: Thông qua Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và KH chi trả thù lao năm 2025 (theo Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 6: Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 (theo Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Tổng mức chi trả cổ tức năm 2024 là 32% vốn điều lệ, trong đó chi trả bằng tiền mặt: 2% vốn điều lệ, chi trả bằng cổ phiếu: 30% vốn điều lệ.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 (theo Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 8: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025 (theo Tờ trình số 08/TTr-UBKT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025):

ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập và giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 là các công ty thuộc danh sách

được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025.

Điều 9: Thông qua Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) (theo Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 10: Thông qua Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 (theo Báo cáo số 10/BC-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 11: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (theo Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Điều 12: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 (theo Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025 đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025):

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc miễn nhiệm tư cách thành viên độc lập HĐQT của ông Lý Chí Tùng kể từ ngày 28/04/2025.

Điều 13: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2025. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm công bố Nghị quyết đến toàn thể cổ đông trên website Công ty (<http://cnt.com.vn>) theo đúng quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



PHẠM QUỐC KHÁNH



BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT

Địa chỉ trụ sở chính: 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.3829 5488

Mã số doanh nghiệp: 0301460120

Thời gian: từ 08 giờ 45 phút đến 11 giờ 45 phút, ngày 28/04/2025.

Địa điểm họp: Bảo Tàng Hồ Chí Minh – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh, Số 01 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

PHẦN I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Hội đồng quản trị của Công ty, gồm các thành viên sau đây:

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| - Ông Phạm Quốc Khánh | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Công Quý | - TV.HĐQT, thành viên UBKT. |
| - Ông Nguyễn Huy Hoàng | - TV độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT |

2. Ban Điều hành của Công ty, gồm các thành viên sau đây:

- | | |
|------------------------|----------------------|
| - Ông Nguyễn Sơn Nam | - Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Viết Nam | - Phó Tổng Giám đốc. |
| - Ông Nguyễn Tiến Dũng | - Kế toán trưởng |

3. Đại biểu tham dự:

Cổ đông/Người nhận ủy quyền của cổ đông sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

PHẦN II. GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

- Người báo cáo: Ông Nguyễn Huy Vũ báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu.
- Nội dung báo cáo:

• Tổng số cổ đông được mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến hết ngày 27/03/2025, sở hữu 50.392.785 cổ phần tương đương với 50.392.785 quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

• Vào lúc: 08 giờ 45 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội (trực tiếp và thông qua ủy quyền): 19 đại biểu, đại diện cho 46.991.731 phiếu biểu quyết, chiếm 93,25091% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật hiện hành và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT là đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

2. Chào cờ, tuyên bố lý do

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, bao gồm:

Ông: Phạm Quốc Khánh	- Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
Ông: Trần Công Quý	- Phó Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Huy Hoàng	- Thành viên độc lập HĐQT
Ông: Nguyễn Sơn Nam	- Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Tiến Dũng	- Kế toán trưởng

4. Giới thiệu Thư ký Đại hội:

Bà: Cao Thị Lê Na	- Thư ký Công ty
-------------------	------------------

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua nhân sự Thư ký Đại hội.

5. Chủ tọa giới thiệu và đề cử Ban kiểm phiếu, bao gồm:

Ông: Nguyễn Huy Vũ	- Trưởng Ban kiểm phiếu
Bà: Nguyễn Thị Tuyết Trinh	- Thành viên Ban kiểm phiếu
Ông: Danh Út	- Thành viên Ban kiểm phiếu
Ông: Lâm Hoàng Thanh	- Thành viên Ban kiểm phiếu
Bà: Nguyễn Thị Mỹ Chi	- Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

6. Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết công khai và nhất trí thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

➤ **Kết quả biểu quyết chi tiết cho các nội dung:** Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách *Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội* bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

PHẦN III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội đã nghe Ban lãnh đạo công ty trình bày các báo cáo và tờ trình sau đây:

Ông Phạm Quốc Khánh – Chủ tịch HĐQT Công ty đọc Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT.

Ông Trần Công Quý – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đọc các tờ trình như sau:

- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.
- Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.
- Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh.
- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
- Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026

Ông Nguyễn Huy Hoàng – TV. HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán đọc các báo cáo và tờ trình:

- Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025.
- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025.
- Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Ông Nguyễn Sơn Nam – Tổng Giám đốc Công ty báo cáo hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025 Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT.

Ông Nguyễn Tiến Dũng – Kế toán trưởng đọc các tờ trình như sau:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.
- Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và KH chi trả thù lao năm 2025.

PHẦN IV. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN

Chủ tọa cuộc họp chủ trì Đại hội đồng cổ đông thảo luận, đóng góp ý kiến về các nội dung báo cáo và tờ trình. Một số nội dung thảo luận như sau:

*** Cổ đông 1:**

Câu hỏi:

1. Dự án Thành Đồng khi nào mở bán, Dự án Bình Chiểu Thủ Đức rộng bao nhiêu hecta, triển khai khi nào?
2. Dự án Huỳnh Tấn Phát, Quy Nhơn mở bán chưa? Dự án Đắk Lắk khi nào triển khai?
3. Năm 2025, Công ty thực hiện chuyển sàn Hose chưa?

Trả lời:

1. a) Dự án Thành Đồng đã được mở bán ở giai đoạn 1 từ giữa tháng 4/2025 và thu được kết quả tích cực. Trong năm 2025, Công ty CP Bắc Thăng Long - Thành Đồng đặt kế hoạch bán toàn bộ sản phẩm của dự án này trong năm 2025 và đầu năm 2026.

Tới thời điểm hiện tại, Công ty đã triển khai thi công khoảng 70% hạ tầng dự án với các tiện ích như clubhouse, hồ bơi, sân pickleball...

b) Dự án tại Bình Chiểu, Thủ Đức rộng khoảng 3000m², với quy hoạch xây dựng khu chung cư cao tầng.

Công ty đã mua quỹ đất trong năm 2024 và hiện tại đang làm thủ tục xin chấp thuận làm chủ đầu tư dự án, dự kiến mất khoảng 2 năm để hoàn thành các thủ tục pháp lý để tiếp tục triển khai các bước tiếp theo.

2. Dự án Huỳnh Tấn Phát, Quy Nhơn được Công ty đấu giá thành công và đang triển khai công tác thiết kế, xin giấy phép xây dựng. Công ty đặt mục tiêu bán hàng vào đầu năm 2026.

Công ty đang tiếp tục tìm hiểu và phát triển các dự án trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị đã trình ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển giao dịch từ sàn UPCOM do Sở GDCK Hà Nội quản lý sang niêm yết cổ phiếu tại sàn HOSE thuộc Sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Tuy nhiên, HĐQT đã cân nhắc chưa tiến hành triển khai để tập trung hoàn thiện, nộp hồ sơ trong năm 2025. Quá trình thực hiện theo từng giai đoạn, trước hết trong năm 2025, Công ty sẽ thực hiện tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông và dự kiến hoàn tất vào tháng 9 năm nay, sau đó Công ty sẽ thúc đẩy việc thực hiện đăng ký niêm yết tại sàn HOSE.

*** Cổ đông 2:**

Câu hỏi:

1. Tại sao mỏ đá Trà Đuốc hoạt động chưa hiệu quả? Phương án của HĐQT để cải thiện hoạt động của mảng khai thác đá này.

2. Dự án Hà Tiên 98ha lấn biển ở Hà Tiên khi nào Công ty xin quy hoạch 1/500?

3. Trong phần các khoản phải thu ngắn hạn BCTC kiểm toán 2024, thiếu phần thuyết minh khoản này, đề nghị HĐQT thuyết minh.

Trả lời:

1. Mỏ đá Trà Đuốc ngừng hoạt động khai thác do giấy phép hoạt động đã hết hạn. Công ty đang thực hiện công tác cải tạo môi trường để bàn giao lại cho chính quyền địa phương và tiếp tục bám sát kế hoạch đấu thầu, đấu giá khai thác mỏ đá tại địa phương trong các giai đoạn sắp tới 2026-2027.

2. Dự án Khu đô thị mới Hà Tiên rộng 98 hecta đang được tiếp tục triển khai bán hàng một số nền đất còn lại với số lượng dưới 100 nền.

Công ty đang theo dõi kế hoạch đấu thầu, đấu giá để có cơ hội tham dự trong năm 2025-2026.

Ngoài ra, Công ty còn quỹ tiền mặt để triển khai công tác M&A cũng như tham dự dự đấu thầu, đấu giá các dự án mới.

3. Trong BCTC năm 2024 đã kiểm toán, nội dung các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm 8 mục, tính đến 31/12/2024 là khoảng 162 tỷ đồng, so với 01/01/2024 là khoảng 106 tỷ đồng. Trong đó mục số **1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng** là khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh bán hàng vật tư số tiền 227,26 tỷ đến bây giờ đã trở thành khoản nợ khó đòi được trích lập dự phòng ở mục số **7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi** là khoản trích lập quỹ dự phòng với giá trị hơn -235 tỷ đồng; mục **2. Trả trước cho người bán ngắn hạn** số tiền 108,45 tỷ đồng là khoản CNT Group đang thực hiện trả trước để đầu tư thu gom các dự án, cụ thể: dự án Bình Chiểu, Thủ Đức tại thời điểm 31/12/2024 chưa hoàn tất, tuy nhiên đến nay đã hoàn tất việc chuyển nhượng; mục **6. Phải thu ngắn hạn khác** là khoản tạm ứng để thu gom quỹ đất và các khoản liên quan khác đến hoạt động Bất động sản khoảng 60 tỷ đồng.

PHẦN V. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT

Từ thời điểm khai mạc đến 10 giờ 30 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 58 đại biểu, đại diện cho 47.126.951 phiếu biểu quyết, chiếm 93,51924% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Thông kê số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu không thu về:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 58; đại diện cho 47.126.951 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 55; đại diện cho 47.126.937 phiếu biểu quyết, chiếm 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 3; đại diện cho 14 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00003% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025 (BC 01/BC-HĐQT ngày 07/04/2025)

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp, trong đó:

• *Tổng số tờ phiếu tán thành: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 (BC 02/BC-BĐH ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025 (BC 03/BC-UBKT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán (TTr 04/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 53; đại diện cho: 47.116.856 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1; đại diện cho: 10.080 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,02139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua với tỷ lệ 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và KH chi trả thù lao năm 2025 (TTr 05/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 (TTr 06/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

• Tổng số tờ phiếu tán thành: 53; đại diện cho: 47.116.856 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

• Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

• Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1; đại diện cho: 10.080 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,02139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua với tỷ lệ 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 (TTr 07/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

• Tổng số tờ phiếu tán thành: 53; đại diện cho: 47.116.856 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

• Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

• Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1; đại diện cho: 10.080 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,02139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua với tỷ lệ 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025 (TTr 08/TTr-UBKT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

• Tổng số tờ phiếu tán thành: 53; đại diện cho: 47.116.856 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

• Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

• *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1; đại diện cho: 10.080 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,02139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua với tỷ lệ 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Thông qua Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) (TTr 09/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp, trong đó:

• *Tổng số tờ phiếu tán thành: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 9 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Thông qua Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh (BC 10/BC-HĐQT ngày 07/04/2025)

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp, trong đó:

• *Tổng số tờ phiếu tán thành: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty (TTr 11/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

• *Tổng số tờ phiếu tán thành: 53; đại diện cho: 47.116.856 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1; đại diện cho: 10.080 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,02139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 12: Thông qua Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 (TTr 12/TTr-HĐQT ngày 07/04/2025).

➤ Kết quả biểu quyết:

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu kín.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 54 đại diện cho: 47.126.936 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

• *Tổng số tờ phiếu tán thành: 53; đại diện cho: 47.116.856 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,00000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

• *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1; đại diện cho: 10.080 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,02139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1; đại diện cho: 1 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua với tỷ lệ 99,97858% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

PHẦN VI. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Người trình bày: Bà Cao Thị Lê Na đọc Biên bản và Nghị quyết cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

PHẦN VII. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Phạm Quốc Khánh – Chủ tọa cuộc họp phát biểu bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT bế mạc vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày.

THƯ KÝ

Cao Thị Lê Na

CHỦ TỌA



Phạm Quốc Khánh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị (HĐQT) được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT (“CNT Group”) xin báo cáo về hoạt động của HĐQT trong năm 2024 và định hướng năm 2025 như sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2024**I. Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.*****1. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024.***

Kết thúc năm tài chính 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty (theo dữ liệu BCTC kiểm toán hợp nhất ghi nhận) kết quả như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

T T	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH
1	Giá trị doanh thu thuần	240	233	97%
2	Lợi nhuận trước thuế	145	167	115%
3	Lợi nhuận sau thuế	118	135	114%

Để đạt được kết quả trên, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành để đưa ra định hướng, chiến lược và kế hoạch kinh doanh cụ thể, xây dựng các phương án kinh doanh phù hợp cho từng kịch bản của thị trường, giám sát công tác tổ chức và hoạt động hằng ngày của Công ty. Qua đó, hoạt động kinh doanh của Công ty ghi nhận kết quả khả quan và tích cực.

2. Báo cáo kết quả chi trả cổ tức của năm 2023.

Trong năm 2024, CNT Group đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu đúng thời hạn cho cổ đông theo kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Kết quả
Chi cổ tức bằng tiền mặt	100 đồng/ cổ phiếu	Tổng số tiền chia cổ tức: 3.991.506.902 đồng.

Chi cổ tức bằng cổ phiếu	26%	Vốn điều lệ tăng thêm 103.777.160 đồng (tương ứng số cổ phiếu phát hành là 10.377.716 cổ phiếu).
--------------------------	-----	--

3. Báo cáo về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2024.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, HĐQT đã lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách được Bộ tài chính chấp thuận là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho CNT Group.

Kết quả: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC đã hoàn tất việc soát xét BCTC riêng và hợp nhất bán niên và năm 2024 cho CNT Group.

4. Báo cáo về tình hình thoái vốn tại công ty liên kết.

Nhằm chủ động trong việc quản trị tài chính, đồng thời bổ sung nguồn vốn đầu tư cho công ty, HĐQT đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện phương án thoái vốn tại các công ty: Công ty Cổ Phần Xây Dựng Dân Dụng và Công Nghiệp Phía Nam và Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Phước Hòa.

Kết quả: HĐQT chưa tiến hành thực hiện việc thoái vốn tại các công ty liên kết sau quá trình cân nhắc kỹ lưỡng về các điều kiện thực hiện. Vì vậy trong năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện việc thoái vốn tại các công ty này để mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

5. Báo cáo về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, nhằm mục đích nâng cao vị thế mới của Công ty, quảng bá hình ảnh, thương hiệu, tạo uy tín và cơ hội thu hút các nguồn vốn đầu tư mới, mang lại lợi ích cho cổ đông của Công ty; và nhằm tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu CNT, phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty từ UPCOM (do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) quản lý) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Về kết quả thực hiện: năm 2024, trong bối cảnh môi trường vĩ mô không thuận lợi, thị trường chứng khoán niêm yết diễn biến khó lường, HĐQT đã chủ động hoãn việc chuyển niêm yết cổ phiếu trong năm 2024 để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Do đó, trong năm 2025, HĐQT trình ĐHĐCĐ tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu sang Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

6. Báo cáo về việc sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh.

HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh nội dung tương ứng trong Điều lệ Công ty.

Về kết quả thực hiện: Hội đồng Quản trị nhận thấy rằng chiến lược kinh doanh hiện tại của Công ty vẫn đang phù hợp với danh mục ngành nghề kinh doanh đã được xác định trước khi thay đổi. Do đó, Hội đồng Quản trị trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng

Cổ đông về việc không tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh như đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

7. Báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

HĐQT đã hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo các nội dung được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 và công bố thông tin, đăng tải website theo quy định của pháp luật.

II. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức tổng cộng là 27 cuộc họp định kỳ, bất thường để kịp thời đưa ra các Quyết định/Nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện việc lãnh đạo, quản lý hoạt động kinh doanh. Các Nghị quyết/Quyết định này được Công ty công bố tại mục 5 Phần II Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 22/01/2025.

III. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện trong năm 2024.

Tổng Thù lao, thu nhập của HĐQT năm 2024 được sử dụng nằm trong hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024 phê duyệt.

Thông tin chi tiết về thù lao của từng thành viên HĐQT được thể hiện tại mục VIII.3. **Giao dịch với các bên liên quan** tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của CNT Group và được công bố trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://cnt.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông => Báo cáo tài chính,

IV. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất.

Các giao dịch này đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 22/01/2025 tại Mục VII.2 và VII.3. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty.

V. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Thực hiện nhiệm vụ chức năng, UBKT kiểm tra tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty; Đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định, chính sách và chuẩn mực kế toán; Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính Công ty.

1460
ÔNG T
CỔ PH
ÁP Đ
CN
HỒ HỒ

Các thành viên đều tham gia đầy đủ các phiên họp trực tiếp và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của CNT Group; chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp.

VI. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Các thành viên độc lập HĐQT đã thể hiện sự tích cực trong việc tham dự đầy đủ các phiên họp, đóng góp ý kiến và đưa ra những đề xuất thiết thực nhằm thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

Qua quá trình giám sát, thành viên độc lập HĐQT ghi nhận hoạt động quản trị được thực thi đúng thẩm quyền, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tính minh bạch và công bằng đối với mọi cổ đông.

HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp để rà soát và đánh giá toàn diện các mảng hoạt động quan trọng của công ty, bao gồm: định hướng chiến lược, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác quản trị rủi ro, cũng như việc hoàn thiện hệ thống quy trình quản lý.

Các phiên họp HĐQT được tổ chức đúng quy trình, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ. Mọi quyết định của HĐQT đều được thông qua dựa trên sự đồng thuận của đa số thành viên, đảm bảo tính dân chủ và khách quan.

VII. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Trong quá trình thực hiện quyền hạn và trách nhiệm, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ, xem xét cẩn trọng, đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng Giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của của CNT Group và cổ đông.

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, thường xuyên báo cáo, trao đổi, với Hội đồng quản trị và có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ, thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

HĐQT đánh giá năm 2025 sẽ tiếp tục mang đến những thử thách đáng kể, nhưng đây cũng là cơ hội để CNT Group khẳng định vị thế thông qua việc hiện thực hóa các chiến lược phát triển bền vững. Định hướng lâu dài của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT là hướng tới đổi mới, xây dựng và phát triển thương hiệu CNT Group trở thành một đơn vị uy tín, phát

triển ổn định trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản tại Việt Nam, tập trung hoạt động ở ngành nghề mũi nhọn là bất động sản và các ngành nghề liên hữu.

Với mục tiêu tiếp tục phát triển bền vững, ổn định tình hình SXKD Công ty trong giai đoạn hiện tại, chuẩn bị kỹ càng các nguồn lực để tăng tốc, đẩy mạnh hoạt động SXKD khi thời cơ đến. Hội đồng quản trị Công ty xác định các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2025 như sau:

- Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 63.590,90 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 12.516,56 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 9.357,57 triệu đồng.

Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc, Ban điều hành Công ty cần quyết liệt hơn nữa, khai thác tối đa cơ hội thị trường, cơ hội kinh doanh, đồng thời củng cố, nâng cao năng lực về tài chính, con người, hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

Kính thưa Quý vị Cổ đông, trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


PHẠM QUỐC KHÁNH



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Ban điều hành Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT trân trọng báo cáo trước đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, theo các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

(ĐVT: Tỷ đồng)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH / KH
1	Giá trị doanh thu thuần hợp nhất	240	233	97%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	145	167	115%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	118	135	114%

II. NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG BĐS 2024

1. Tình hình kinh tế vĩ mô:

a. Điểm sáng:

- Theo Tổng cục thống kê, GDP năm 2024 của Việt Nam tăng trưởng khả quan. Lạm phát được kiểm soát, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được giữ ở mức tương đối ổn định. Xuất nhập khẩu khởi sắc với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng và xuất siêu duy trì, chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước đã vượt dự toán

b. Thách thức:

- Bất ổn kinh tế toàn cầu gây ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam làm tiềm ẩn nguy cơ lạm phát tăng cao do giá hàng hóa thế giới tăng. Giải ngân vốn đầu tư công chậm và rủi ro từ biến đổi khí hậu.

2. Tình hình ngành bất động sản năm 2024

Năm 2024, trong khi kinh tế vĩ mô có những tín hiệu tích cực thì ở chiều ngược lại thị trường bất động sản vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức.

a. Điểm sáng:

- Thị trường có dấu hiệu phục hồi, đặc biệt ở phân khúc căn hộ và nhà ở xã hội. với Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ thị trường. Nguồn cung bất động sản có dấu hiệu cải thiện. Sự quan tâm tăng cao từ người tiêu dùng cũng như chính phủ đến nhà ở xã hội



b. Thách thức:

- Vướng mắc pháp lý vẫn là rào cản lớn nhất cùng với áp lực về vốn, Doanh nghiệp bất động sản vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn.
- Thị trường còn phân hóa: Sự khác biệt lớn giữa các phân khúc và khu vực.

III. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

1. Hoạt động điều hành chung:

- Cùng với khó khăn chung của nền kinh tế, đối mặt với những thách thức, áp lực từ những biến động khó lường của thị trường, công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển dự án mới, triển khai bán hàng, thu nợ các dự án hiện hữu, dẫn đến chỉ tiêu về Doanh thu chỉ đạt 97% so với kế hoạch. Tuy nhiên nhờ vào những hành động quyết liệt củng cố nền tảng, nâng cấp nội lực cùng với các quyết sách, thay đổi kịp thời linh hoạt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự đồng lòng của các Phòng/Ban, CBNV đã giúp CNT vẫn đạt mức chỉ tiêu về lợi nhuận so kế hoạch đề ra

- Năm 2024, công tác điều hành tập trung vào việc ổn định bộ máy tổ chức, thực hiện tái cơ cấu các công ty con, cùng với cấu trúc tinh gọn bộ máy nhân sự Tập đoàn, bước đầu làm giảm chi phí hoạt động doanh nghiệp, mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt và vượt so với kế hoạch đề ra (114%)

Một số điểm tiêu biểu Công ty đạt được trong năm 2024:

+CNT trong 4 năm liên tiếp nằm trong “Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2024”.

+CNT Group đã thực hiện tái cơ cấu các công ty con, đồng thời thành lập 2 công ty con mới là Công ty TNHH Blue Bay Quy Nhơn và Công ty TNHH Dream1 Thủ Đức để thực hiện các dự án mới điều này cho thấy sự chủ động trong việc tối ưu hóa hoạt động và tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

+Triển khai đầu tư vào các dự án bất động sản mới, như dự án "Khu chung cư thương mại dọc đường Huỳnh Tấn Phát" tại Quy Nhơn, Dự án khu nhà ở phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức.

2. Hoạt động đầu tư - kinh doanh bất động sản:

- Trong năm, trước những biến động cũng như thách thức của thị trường, doanh thu bán hàng đạt 210,84 tỷ đồng, tăng 5% so với kế hoạch 200,44 tỷ đồng, chỉ tiêu thu hồi nợ đạt 65,8% so với kế hoạch.

- Song song với việc tìm kiếm phát triển các dự án bất động ở các thị trường mà công ty có truyền thống như Kiên Giang... Công ty triển khai các dự án mới tại thị trường mới như dự án Khu chung cư thương mại dọc đường Huỳnh Tấn Phát" tại Quy Nhơn để đóng góp đáng kể vào chỉ tiêu doanh số, sản lượng và thu hồi vốn cho các năm sắp tới.

3. Hoạt động sản xuất và khai thác

- Lĩnh vực sản xuất khai thác doanh thu đạt 16,9 tỷ đồng tăng so cùng kỳ năm trước 4,5 tỷ đồng. Tuy nhiên so với kế hoạch năm 2024 chỉ đạt 50%. Nguyên nhân ảnh hưởng từ các yếu tố thị trường Bất động sản chưa hồi phục, Xây dựng cơ bản, tốc độ giải ngân vốn đầu tư công chậm, pháp lý cũng như các yếu tố khách quan như thời tiết không thuận lợi...

4. Hoạt động quản lý dịch vụ vận hành:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ năm 2024 đạt 4,7 tỷ đồng, cùng kỳ năm 2023 đạt 3,7 tỷ đồng tăng 27%. So với kế hoạch năm 2024 chỉ đạt 78%. Nguyên nhân tình hình kinh tế hồi phục nhưng còn chậm, chỉ số giá tiêu dùng tăng ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng của khách hàng.

5. Tiền lương, thu nhập của Ban tổng giám đốc thực hiện trong năm 2024:

Thông tin về chi tiết tiền lương, thu nhập của Ban tổng giám đốc được thể hiện tại mục VIII.3. Giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của CNT Group và được công bố trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://cnt.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông => Báo cáo tài chính.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

- Tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản trị, điều hành ở tất cả các cấp từ; HĐQT, Ban Điều hành, bộ máy phòng ban đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và bền vững.

- Củng cố và ổn định cơ cấu tổ chức nhân sự, bộ máy quản lý điều hành và các phòng ban, tăng cường gắn kết giữa các phòng ban.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng suất lao động và tranh thủ nắm bắt thời cơ.

- Tháo gỡ vướng mắc và giải quyết tồn tại, hóa giải các nguy cơ pháp lý hiện hữu tại các dự án đang có.

- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển dự án tại các thị trường có nhiều tiềm năng như TP Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Định, Bình Dương và các vùng lân cận.

- Theo sát những thay đổi trong chính sách của chính phủ cũng như diễn biến của nền kinh tế, của thị trường BĐS, chủ động có những quyết sách ứng phó kịp thời nhằm giữ vững tăng trưởng và đảm bảo các lợi ích như đã cam kết với cổ đông

1. Hoạt động đầu tư Bất động sản:

- Tập trung bán hàng thu vốn tại các dự án sẵn có. Đẩy mạnh công tác tiếp thị môi giới bất động sản và quản lý vận hành các dự án, quảng bá thương hiệu. Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành.

- Hoàn thiện ý tưởng, định vị sản phẩm các dự án.

- Phát triển dự án mới: Tập trung nghiên cứu quy hoạch và lập kế hoạch tiếp cận và có chiến lược cụ thể từng dự án. Tìm mua tối thiểu 1 dự án và tiến hành trong năm 2025 ở các khu vực miền Bắc như Hà nội, miền Trung như Bình Định, miền Nam như TP.HCM, Bình Dương và các vùng phụ cận.

2. Hoạt động sản xuất khai thác:

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công suất khai thác, hoạt động tại mỏ và bán hàng theo chủ trương được thống nhất của HĐQT nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra tiếp tục đẩy mạnh công tác hoàn thiện pháp lý mở rộng đầu tư khai thác.

3. Hoạt động kinh doanh dịch vụ:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ trong năm 2025 tập trung mở rộng và phát triển thêm các dịch vụ cho thuê, dịch vụ lưu trú, nhà hàng đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.



4. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Giá trị doanh thu thuần hợp nhất	63.590,90
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	12.516,56
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	9.357,57

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Ban điều hành công ty cổ phần tập đoàn CNT

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, Thư ký.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CNT
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN SƠN NAM



Số: 03/BC-UBKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Kính thưa Quý cổ đông,

Tôi xin thay mặt UBKT Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT (CNT Group) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động Ủy ban kiểm toán trong năm 2024 với các nội dung như sau:

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:

1. Thành phần, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT (CNT Group), gồm có 02 (hai) thành viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí
1	Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch UBKT
2	Trần Công Quý	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên UBKT

2. Cơ chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán hoạt động theo Quy chế hoạt động của UBKT do HĐQT ban hành phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Trong năm 2024, UBKT đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung chính là thông qua số liệu dự thảo báo cáo tài chính trong năm 2024; đánh giá kết quả quá trình hoạt động trong năm 2024 của HĐQT, Ban điều hành Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của công ty, làm cơ sở báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

4. Thù lao, phúc lợi, chi phí hoạt động của UBKT trong năm 2024:

Các thành viên UBKT đã nhận thù lao và các phúc lợi với vai trò Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nên không hưởng thêm các khoản thù lao hay lợi ích nào khác khi thực hiện công việc với vai trò là thành viên Ủy ban kiểm toán.

5. Hoạt động giám sát của UBKT về Quản trị Công ty

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, báo cáo năm 2024. Đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định, chính sách và chuẩn mực kế toán. Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính Công ty.

- Kiểm tra việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình của Công ty; Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro.

- UBKT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành (BDH) thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc (TGD).

- UBKT thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất lên HĐQT.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty.

- Năm 2024 các công tác kế toán, ghi chép lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đã phản ánh tình hình tài chính của Công ty chính xác và trung thực.

- UBKT ghi nhận và thông qua báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán. BCTC 2024 đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành, phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của CNT Group, không phát hiện các sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của CNT Group trong giai đoạn nhiều thách thức và trở ngại nhưng vẫn đạt được kết quả tốt trong năm 2024:

+ Doanh thu thuần đạt 233 tỷ đồng, đạt 97% so với kế hoạch.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 167 tỷ đồng, đạt 115% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 135 tỷ đồng, đạt 114% so với kế hoạch.

2. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Qua công tác kiểm tra, giám sát, UBKT nhận thấy HĐQT, Ban điều hành đã tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. UBKT nhận thấy các hoạt động của Công ty được tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

2.1. Đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng và vai trò định hướng phát triển công ty thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách trọng yếu của Ban Tổng giám đốc luôn được phân tích, phản biện và tham vấn kịp thời từ Hội đồng quản trị để có thể đưa ra giải pháp phù hợp cho hoạt động Công ty.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tập trung triển khai các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và ra các quyết định căn cứ theo tình hình thực tế, điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo tôn chỉ tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị công ty.

2.2. Đối với Ban điều hành

- Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý công ty đã nghiêm túc triển khai các nội dung theo định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị và đã thực thi tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy trình, quy chế nội bộ và điều lệ. Tổ chức công tác kế toán tài chính tuân thủ các yêu cầu, quy định của chế độ kế toán và các quy định có liên quan, tổ chức tốt việc theo dõi hệ thống kiểm soát trong công tác điều hành hoạt động của công ty.

3. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty

CNT Group duy trì việc kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, tham gia giám sát, kiểm soát chặt chẽ tất cả các mảng hoạt động của Công ty, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ đều tuân thủ đúng quy trình đã ban hành.

CNT Group luôn chủ trương tạo môi trường minh bạch, thuận lợi nhất cho hoạt động kiểm toán, thanh tra của các tổ chức kiểm toán độc lập cũng như cơ quan nhà nước. Các số liệu trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp phản ánh đầy đủ, trung thực về tình hình tài chính, hoạt động của doanh nghiệp và phù hợp với chuẩn mực, chế độ về kế toán, kiểm toán và quy định pháp luật.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Trong năm 2024, UBKT đã báo cáo đến HĐQT các vấn đề ghi nhận và các kiến nghị của UBKT thông qua các cuộc họp của HĐQT.

HĐQT đã kịp thời xem xét các kiến nghị của UBKT và chỉ đạo Ban điều hành trong việc tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro cho toàn Công ty.

Ủy ban kiểm toán nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty thông qua việc cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính công ty.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Qua công tác kiểm tra giám sát và trên cơ sở các chỉ số tài chính, UBKT đưa ra một số kiến nghị để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024 và hoàn thành mục tiêu chiến lược giai đoạn sắp tới như sau:

- Về hệ thống văn bản trong quản trị, điều hành: cập nhật, điều chỉnh các văn bản liên quan đến hệ thống quy trình quy chế và cơ chế phân quyền đầy đủ để nâng cao năng suất và hạn chế nhưng sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện chức năng giám sát hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo các khuôn khổ thực hành tốt của quốc tế để hỗ trợ và thúc đẩy Công ty hoàn thành mục tiêu.

- Tiếp tục duy trì sự phối hợp giữa Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty tiếp tục hỗ trợ, phối hợp và tương tác với Ủy ban kiểm toán chặt chẽ để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm 2024.

- Lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập có uy tín để thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2025.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Tiếp tục tập trung kiểm soát tuân thủ, các nội dung về chiến lược phát triển của công ty và đơn vị trực thuộc để báo cáo và đề xuất kiến nghị với Hội đồng quản trị.

- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của công ty trong năm 2025.

- Đề xuất, kiến nghị liên quan đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và phù hợp với điều kiện thực tế của công ty trình Hội đồng quản trị.

- Giám sát chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán trong các đợt kiểm toán của năm 2025

- Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị các nội dung về hệ thống quản trị rủi ro, tài chính, cũng như các định hướng phù hợp với công ty trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý công ty.

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành điều lệ công ty và thực hiện các quyết sách Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động trong năm 2025 của Ủy ban kiểm toán, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trân trọng tiếp thu ý kiến đóng góp của Quý cổ đông.

Xin cảm ơn Quý cổ đông đã lắng nghe, kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN 

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HUY HOÀNG



Số: 04/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC.

Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: <https://cnt.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh.html>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

Số: A0624186 -HN/MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1

Huỳnh Thị Bích Liễu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3902-2022-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		779.581.720.069	861.681.240.609
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	303.136.723.666	38.740.717.045
1. Tiền	111		123.136.723.666	10.740.717.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000.000	28.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	189.500.000.000	593.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		189.500.000.000	593.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.048.724.567	106.049.550.865
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	227.265.066.026	227.586.306.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	108.455.348.458	11.764.123.583
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	400.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	60.680.324.276	103.567.158.729
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4,6	(235.533.325.354)	(238.368.038.151)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		781.311.161	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	111.910.828.002	93.019.360.708
1. Hàng tồn kho	141		111.910.828.002	93.019.360.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.985.443.834	30.671.611.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	8.787.747.890	28.561.643.661
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.409.390.950	1.321.663.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	788.304.994	788.304.994
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.575.477.942	46.398.919.023
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.208.251.251	3.222.689.741
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	200.000.000	200.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.208.251.251	3.222.689.741
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5	(200.000.000)	(200.000.000)
II. Tài sản cố định	220		32.970.554.653	11.819.474.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	32.970.554.653	11.819.474.719
- Nguyên giá	222		55.884.433.687	37.026.755.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.913.879.034)	(25.207.280.399)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.631.434.947
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.631.434.947
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	26.453.179.411	20.306.720.146
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.065.079.411	3.768.785.430
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.241.310.000	18.593.760.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(853.210.000)	(2.055.825.284)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.943.492.627	4.418.599.470
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.179.232.128	1.625.296.251
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	764.260.499	2.793.303.219
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		844.157.198.011	908.080.159.632

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.048.180.234	342.070.743.113
I. Nợ ngắn hạn	310		132.316.581.258	340.189.118.915
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	4.285.536.067	4.371.919.717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	21.848.773.780	8.834.090.686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	29.976.977.681	41.291.336.576
4. Phải trả người lao động	314		2.062.532.330	2.931.446.182
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	39.816.068.751	69.667.535.043
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	25.573.886.146	208.807.208.795
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.206.955.713	3.700.552.410
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	2.968.620.000	156.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	2.148.201.284	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		429.029.506	429.029.506
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.731.598.976	1.881.624.198
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	15.132.175.036	533.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		(400.576.060)	(799.577.086)
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	-	2.148.201.284
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		697.109.017.777	566.009.416.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	697.109.017.777	566.009.416.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		503.927.850.000	400.150.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		503.927.850.000	400.150.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.012.784.684)	(1.012.784.684)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.399.587.678	22.399.587.678
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		171.794.364.783	144.418.741.182
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.845.593.998	(70.225.755.848)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		134.948.770.785	214.644.497.030
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	53.182.343
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		844.157.198.011	908.080.159.632

Danh Ut
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Sơn Nam
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	233.265.940.693	364.100.725.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	233.265.940.693	364.100.725.738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	59.477.460.179	137.368.687.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		173.788.480.514	226.732.037.789
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	28.763.039.213	59.751.763.041
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	754.209.564	3.056.673.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		563.166.712	1.853.833.797
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.537.846.744)	1.000.000
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	16.311.772.875	13.442.509.712
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	19.805.952.584	19.249.816.504
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		164.141.737.960	250.735.800.869
12. Thu nhập khác	31	VI.7	5.852.312.691	7.716.149.435
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.572.804.915	5.317.088.187
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.279.507.776	2.399.061.248
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		167.421.245.736	253.134.862.117
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	30.038.772.384	38.356.731.259
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	2.428.043.746	716.532.039
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		134.954.429.606	214.061.598.819
Cổ đông của Công ty mẹ	61		134.953.329.389	214.841.942.970
Cổ đông không kiểm soát	62		1.100.217	(780.344.150)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.791	4.856
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	2.791	4.856

Danh Út
Người lập

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Sơn Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		167.421.245.736	253.134.862.117
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	3.445.032.231	3.840.309.626
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	(2.834.712.797)	(2.951.913.625)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.624.191.174)	(59.120.311.299)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	563.166.712	1.853.833.797
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		143.970.540.708	196.756.780.616
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(58.113.511.841)	(30.810.317.967)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(18.891.467.294)	38.593.757.040
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(213.031.311.671)	(241.126.948.407)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		20.219.959.894	12.744.605.638
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(563.166.712)	(2.990.231.974)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13a	(29.931.939.961)	(22.375.866.548)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(686.881.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(156.340.896.877)	(49.895.103.049)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(18.625.058.995)	(10.204.125.684)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		685.240.909	140.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(922.000.000.000)	(1.165.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.325.700.000.000	1.185.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.647.550.000)	(305.440.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.411.289.131
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.203.983.450	53.073.512.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		407.316.615.364	63.916.144.771

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	750.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	18.980.910.036	80.205.722.869
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.569.115.000)	(76.857.637.944)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.991.506.902)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.420.288.134	4.098.084.925
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		264.396.006.621	18.119.126.647
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.740.717.045	20.621.590.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	303.136.723.666	38.740.717.045

Danh Út
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Tiên Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Sơn Nam
Tổng Giám đốc



TỜ TRÌNH**Về việc Báo cáo mức chi trả thù lao HĐQT năm 2024
và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2025****Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/04/2024;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao của HĐQT đã thực hiện năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2025 như sau:

1. Báo cáo mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2024:

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT thông qua ngày 23/04/2024, ngân sách dành cho thù lao của HĐQT năm 2024 phê duyệt ở mức không quá 01% tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

Dựa trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty Cổ phần Tập đoàn ghi nhận là: 134.954.429.606 đồng, tương ứng ngân sách được trích lợi nhuận là 1.349.544.296 đồng.

Kết thúc năm 2024, căn cứ vào hiệu quả hoạt động của HĐQT và kết quả kinh doanh của Công ty, tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT là 785.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng). Tương ứng với tỷ lệ: 0.58% tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

2. Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2025 của CNT Group, HĐQT đề xuất mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2025 không quá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định và thực hiện việc chi trả thù lao, lương, các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và các chế độ khác đối với thành viên HĐQT theo quy định hiện hành của CNT Group và quy định của pháp luật, trên cơ sở phân công nhiệm vụ của từng thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

TỜ TRÌNH**V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch
phân phối lợi nhuận năm 2025****Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT***Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;**Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;**Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;**Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Tập đoàn CNT năm 2024 đã được kiểm toán;*

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và quy định về phân chia lợi nhuận trong Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị CTCP Tập đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	LNST chưa phân phối theo BCTC hợp nhất tại ngày 31/12/2024	171.794.364.783
2	LNST được phân phối:	160.936.907.000
2.1	Chia cổ tức bằng tiền mặt (2% Vốn điều lệ)	10.058.557.000
2.2	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (30% Vốn điều lệ) (Nội dung chi tiết tại Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024)	150.878.350.000
3	LNST còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	10.857.457.783

2. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Căn cứ vào tình hình triển khai dự án của Công ty, để tập trung nguồn lực vào việc đầu tư và phát triển các dự án, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch không chi trả cổ tức năm 2025. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cam kết nỗ lực hết mình, triển khai các giải pháp hiệu quả để bảo vệ và mang lại những lợi ích ngày càng gia tăng cho Quý vị cổ đông trong những năm tới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *gk*

CHỦ TỊCH



PHẠM QUỐC KHÁNH



TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 của Công ty với nội dung cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT
- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán:** CNT
- Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện nay:** 503.927.850.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 50.392.785 cổ phiếu,

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 50.292.785 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 100.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 15.087.835 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá:** 150.878.350.000 đồng
- Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
- Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Tỷ lệ phát hành** (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 30%



12. Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:30. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 30 cổ phiếu mới.

13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 119 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:30, cổ đông A được nhận $(119:100)*30= 35,7$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 35 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ thập phân 0,7 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*

14. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2024 căn cứ theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

15. Thời gian dự kiến thực hiện: Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban chứng khoán nhà nước (“UBCKNN”) thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II năm 2025. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

16. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

17. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty (mục Vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

18. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và các cơ quan chức năng khác;

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

- Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên;

- Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM QUỐC KHÁNH



TỜ TRÌNH**V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2025****Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT***Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;**Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;*

Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- a. Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đủ điều kiện kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Có kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam;
- c. Có uy tín và có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao;
- d. Đáp ứng được các yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- e. Có mức phí kiểm toán phù hợp và đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh.

2. Đề xuất cụ thể về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Ủy ban kiểm toán kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:

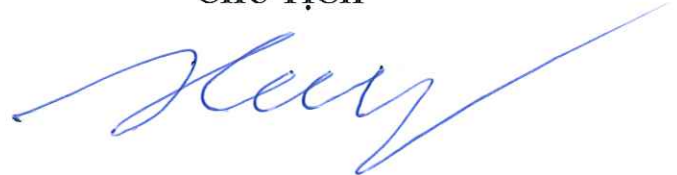
a. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập là các công ty thuộc danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 (theo danh sách đính kèm) và được cập nhật đến thời điểm lựa chọn;

b. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách tại mục (2a) để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty trong năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN 
CHỦ TỊCH



NGUYỄN HUY HOÀNG

**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO
ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN
NĂM 2025**

(theo thông báo ngày 20/11/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại đường dẫn:
https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/l/chitit?dDocName=APPSSCGOVV/N1620150050&dID=155723)

1. Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
4. Công ty TNHH PWC (Việt Nam) (PWC)
5. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
6. Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) (GT)
7. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
8. Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn Ecovis AFA Việt Nam (Ecovis AFA)
9. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
10. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Chuẩn Việt)
11. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
12. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt CPA)
13. Công ty TNHH Kiểm toán Vaco (Vaco)
14. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (Sao Việt)
15. Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
16. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
17. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
18. Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
19. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
20. Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
21. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
22. Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
23. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế (ICPA)
24. Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
25. Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)
26. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế (IAV)



Số: 09/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Liên quan đến kế hoạch đăng ký niêm yết, chuyển sàn giao dịch của cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

1. Về việc thực hiện kế hoạch đăng ký niêm yết, chuyển sàn giao dịch của cổ phiếu Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị chưa triển khai việc nộp hồ sơ niêm yết lên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) do nhiều điều kiện không thuận lợi. Công ty sẽ hoàn thiện các công tác chuẩn bị cần thiết để hoàn tất việc nộp hồ sơ vào năm 2025.

2. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc tiếp tục thực hiện việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) trong năm 2025, chi tiết như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT
- Mã chứng khoán: CNT
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch tại UPCOM: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành và đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) tại thời điểm hủy.



- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết tại HOSE: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành của Công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết.

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty các nội dung sau:

- Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện việc chuyển sàn giao dịch và đăng ký niêm yết;

- Lựa chọn thời điểm phù hợp để triển khai thủ tục chuyển sàn giao dịch và đăng ký niêm yết;

- Chủ động điều chỉnh Phương án theo sự thay đổi của quy định pháp luật hoặc yêu cầu của Cơ quan chức năng có thẩm quyền tại thời điểm thực hiện;

- Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty trong trường hợp cần thiết và theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu; Hội đồng quản trị thực hiện báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng có liên quan trong quá trình chuẩn bị và triển khai chuyển sàn giao dịch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT.



BÁO CÁO**Về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số
01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/04/2024;

Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT xin báo cáo ĐHĐCĐ về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 như sau:

1. Tiến độ triển khai việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh:

Trong năm 2024, thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do khó khăn về pháp lý trong quá trình thực hiện và diễn biến khó lường của thị trường đòi hỏi Công ty phải tiến hành đánh giá một cách toàn diện và thận trọng, nhằm bảo vệ lợi ích dài hạn của Công ty và Quý Cổ đông.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, Hội đồng Quản trị nhận thấy rằng chiến lược kinh doanh hiện tại của Công ty vẫn đang phù hợp với danh mục ngành nghề kinh doanh đã được xác định trước khi thay đổi. Do đó, Hội đồng Quản trị trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông về việc không tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh như đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty các nội dung sau:

a) Thông qua việc sửa đổi Khoản 1 – “Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:” tại Điều 4 - “Mục tiêu hoạt động của Công ty” của Điều lệ Công ty theo danh mục ngành nghề kinh doanh đính kèm Báo cáo này. Danh mục này là danh mục ngành nghề kinh doanh trước thời điểm trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

b) Thông qua việc giao cho ông Phạm Quốc Khánh – Chủ tịch HĐQT đồng thời là Người đại diện theo pháp luật triển khai các công việc liên quan đến việc không tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh như đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

(Đính kèm Báo cáo số 10/BC-HĐQT ngày 07/04/2025)

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.</i>
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.</i>
3	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.</i>
4	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.</i>
5	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.</i>
6	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.</i>
7	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình <i>Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.</i>
8	0149	Chăn nuôi khác <i>Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).</i>
9	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.</i>
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.</i>
11	4541	Bán mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Kinh doanh xe máy.</i>
12	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.</i>
14	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.</i>
15	6190	Hoạt động viễn thông khác <i>Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.</i>
16	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.

		Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
17	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Khai thác mỏ.
18	4633	Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)
19	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.
20	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.
21	4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.
22	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)
23	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản.
24	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).
25	7310	Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo thương mại.
26	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).
27	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư. - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.
28	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.
29	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới.
30	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
31	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.

32	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại</i>
33	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
34	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại <i>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)</i>
35	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
36	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)</i>
37	0121	Trồng cây ăn quả
38	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
39	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
40	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống <i>Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán café, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)</i>
41	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
42	4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào
43	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)
44	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).</i>
45	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh). Bán lẻ sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.</i>
46	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn</i>
47	4724	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh
48	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh

49	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
50	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
51	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền</i>
52	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê</i>
53	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí <i>Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao</i>
54	7911	Đại lý du lịch
55	7912	Điều hành tua du lịch <i>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế</i>
56	7790	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. <i>Chi tiết: dịch vụ hỗ trợ thủ tục lên máy bay.</i>
57	8551	Giáo dục thể thao và giải trí <i>Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)</i>
58	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề <i>Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em</i>
59	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).</i>
60	9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) <i>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
61	9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu <i>Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
62	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)</i>
63	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế <i>Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)</i>
64	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
65	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
66	1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
67	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
68	8511	Giáo dục nhà trẻ (không hoạt động tại trụ sở)

69	8512	Giáo dục mẫu giáo (không hoạt động tại trụ sở)
70	8521	Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở)
71	8522	Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở)
72	8531	Đào tạo sơ cấp <i>Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)</i>
73	8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. <i>(không hoạt động tại trụ sở).</i>
74	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
75	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)</i>

TỜ TRÌNH

V/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT hiện hành;

Căn cứ tình hình thực tế.

Qua rà soát các nội dung trong Điều lệ Công ty – Công ty cổ phần Tập đoàn CNT, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định về Công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

1. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi, bổ sung) đính kèm Tờ trình này;
2. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ được thể hiện chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

PHỤ LỤC I: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày 28 tháng 04 năm 2025)

[illegible]

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
Điều 12. Quyền của cổ đông 3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Điều 12. Quyền của cổ đông 3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Làm rõ cổ đông tuân thủ các quy chế do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b và điểm d khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;	Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020. Làm rõ từ “triệu tập”, đồng thời thay đổi mốc thời gian phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán; 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	- Điều chỉnh phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020. - Điều chỉnh phù hợp với thẩm quyền phê duyệt, thống nhất nội dung với điểm r khoản 2 Điều này.
Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành: d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành: d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; 	- Điều chỉnh phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nêu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; c. Định hướng phát triển Công ty; d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm h. Tổ chức lại, giải thể Công ty. i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Mở rộng nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, căn cứ vào Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 (ba) người.	Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp năm 2020
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, chuyển đổi loại hình , giải thể, tạm dừng hoạt động công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	- Cập nhật theo thực tế
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a) Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như	Mức tỷ lệ phù hợp với điểm p, điểm q Khoản 2 Điều 14 và điểm h Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;	mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;	
Điều 54. Giải thể công ty 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác d. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; e. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 54. Giải thể công ty 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác c. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; d. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Cho phù hợp với khoản 5, Điều 2 Điều lệ Công ty
Điều 55. Gia hạn hoạt động	Bỏ Điều này	Cho phù hợp với khoản 5, Điều 2 Điều lệ Công ty
Điều 56, 57, 58	Điều 55, 56, 57	Thay đổi thứ tự điều khoản phù hợp
Điều 59 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2024 tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ được sửa đổi nội dung về mức vốn điều lệ mới (tại khoản 1 Điều 6) theo Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT ngày 07/10/2024.	Điều 58 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2025 tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Cập nhật theo nội dung mới

Ngành nghề kinh doanh tại Điều lệ hiện hành		
STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.</i>
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản. Không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng</i>
3	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.</i>
4	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.</i>
5	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.</i>
6	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.</i>
7	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình <i>Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.</i>
8	0149	Chăn nuôi khác <i>Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).</i>
9	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.</i>
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí. Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
11	4541	Bán mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Kinh doanh xe máy.</i>
12	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

		<i>Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm về sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.</i>
14	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.</i>
15	6190	Hoạt động viễn thông khác <i>Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.</i> <i>Không kinh doanh dịch vụ bưu chính công ích.</i>
16	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. <i>Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở.</i>
17	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. <i>Chi tiết: Khai thác mỏ.</i> <i>Không kinh doanh dịch vụ nổ mìn trong hoạt động khai thác mỏ.</i>
18	4633	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)</i>
19	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.</i>
20	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. <i>Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.</i>
21	4632	Bán buôn thực phẩm. <i>Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chứng năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe. (không hoạt động tại trụ sở).</i> <i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
22	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)</i>
23	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quản cáo bất động sản.</i>

24	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. <i>Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).</i>
25	7310	Quảng cáo. <i>Chi tiết: Quảng cáo thương mại.</i>
26	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</i>
27	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư.</i> - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.
28	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. <i>Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.</i> <i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
29	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết: Môi giới.</i>
30	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở) <i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
31	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.</i>
32	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại</i>
33	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
34	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại <i>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)</i>
35	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
36	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)</i>

		<i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
37	0121	Trồng cây ăn quả
38	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
39	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
40	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống <i>Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán café, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)</i>
41	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
42	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).</i> <i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
43	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).</i> <i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
44	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn</i>
45	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
46	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội). <i>Không kinh doanh, phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối</i>
47	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
48	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền</i>
49	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê</i>
50	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí <i>Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao</i>

51	8551	Giáo dục thể thao và giải trí <i>Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)</i>
52	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề <i>Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em</i>
53	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).</i>
54	9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) <i>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
55	9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu <i>Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
56	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)</i>
57	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế <i>Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)</i>
58	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
59	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
60	1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
61	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
62	8531	Đào tạo sơ cấp <i>Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)</i>
63	8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. <i>(không hoạt động tại trụ sở).</i>
64	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
65	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)</i>

Ngành nghề kinh doanh dự kiến sửa đổi		
STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.</i>
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.</i>
3	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.</i>
4	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.</i>
5	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.</i>
6	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.</i>
7	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình <i>Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.</i>
8	0149	Chăn nuôi khác <i>Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).</i>
9	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.</i>
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.</i>
11	4541	Bán mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Kinh doanh xe máy.</i>
12	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán</i>

		<i>buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.</i>
14	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.</i>
15	6190	Hoạt động viễn thông khác <i>Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.</i>
16	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. <i>Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>
17	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. <i>Chi tiết: Khai thác mỏ.</i>
18	4633	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)</i>
19	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.</i>
20	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. <i>Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.</i>
21	4632	Bán buôn thực phẩm. <i>Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.</i>
22	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)</i>
23	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản.</i>
24	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. <i>Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).</i>
25	7310	Quảng cáo. <i>Chi tiết: Quảng cáo thương mại.</i>
26	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</i>
27	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

		<i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư.</i> - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.
28	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. <i>Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.</i>
29	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. <i>Chi tiết: Môi giới.</i>
30	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
31	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.</i>
32	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại</i>
33	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
34	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại <i>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)</i>
35	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
36	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)</i>
37	0121	Trồng cây ăn quả
38	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
39	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
40	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống <i>Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)</i>
41	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

42	4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
43	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)
44	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi sẵn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).</i>
45	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh). Bán lẻ sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.</i>
46	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn</i>
47	4724	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh
48	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
49	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
50	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
51	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền</i>
52	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê</i>
53	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí <i>Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao</i>
54	7911	Đại lý du lịch
55	7912	Điều hành tua du lịch <i>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế</i>
56	7790	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: dịch vụ hỗ trợ thủ tục lên máy bay.
57	8551	Giáo dục thể thao và giải trí <i>Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)</i>
58	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề <i>Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em</i>
59	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

		<i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).</i>
60	9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) <i>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
61	9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu <i>Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
62	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)</i>
63	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế <i>Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)</i>
64	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
65	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
66	1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
67	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
68	8511	Giáo dục nhà trẻ (không hoạt động tại trụ sở)
69	8512	Giáo dục mẫu giáo (không hoạt động tại trụ sở)
70	8521	Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở)
71	8522	Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở)
72	8531	Đào tạo sơ cấp <i>Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)</i>
73	8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. <i>(không hoạt động tại trụ sở).</i>
74	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
75	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)</i>

PHỤ LỤC II: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày 28 tháng 04 năm 2025)

Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
1. “Luật doanh nghiệp” nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. 2. “Luật chứng khoán” nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	1. “Luật doanh nghiệp” nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành. 2. “Luật chứng khoán” nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Cập nhật theo hệ thống văn bản pháp luật hiện hành
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Điều chỉnh phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	
1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau: 1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;	Mở rộng nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, căn cứ vào Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.

Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
	m. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; n. Định hướng phát triển Công ty; o. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; r. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm s. Tổ chức lại, giải thể Công ty. t. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; u. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; v. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	
Điều 14. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động.	1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.	Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp năm 2020
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá	Mức tỷ lệ phù hợp với điểm p, điểm q Khoản 2 Điều 14 và điểm h Khoản 2

Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;	nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a) Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;	Điều 26 Điều lệ Công ty.

PHỤ LỤC III: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày 28 tháng 04 năm 2025)

Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.	Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp năm 2020
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: 1. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: 1. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, chuyển đổi loại hình, giải thể, tạm dừng hoạt động công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Cập nhật theo thực tế
Điều 23. Hiệu lực thi hành	Điều 23. Hiệu lực thi hành	
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2024.	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2025.	Cập nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT



ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Thay đổi các quyền	17
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 34. Người điều hành công ty	34

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
Điều 36. Thư ký Công ty	35
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN	36
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	36
Điều 38. Thành phần Ủy ban kiểm toán	36
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán	36
Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	37
Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	38
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 48. Năm tài chính	41
Điều 49. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý	42
Điều 51. Báo cáo thường niên	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 52. Kiểm toán	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	43
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	43
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	43
Điều 54. Giải thể công ty	43
Điều 55. Gia hạn hoạt động	Error! Bookmark not defined.
Điều 56. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 58. Điều lệ công ty	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 59. Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ được tổ chức vào ngày 28 tháng 04 năm 2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- đ. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
- g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp;
- i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

- o. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.
 - p. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - q. “Địa điểm kinh doanh” là nơi tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc của Chi nhánh. Địa điểm kinh doanh có thể trực thuộc Công ty hoặc trực thuộc Chi nhánh của Công ty.
 - f. “Chi nhánh” là đơn vị phụ thuộc Công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh.
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 - 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- 1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CNT GROUP CORPORATION**
 - Tên Công ty viết tắt: **CNT GROUP**
- 2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: 9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (84-8) 3829 5604 – 3829 5488 – 3821 3189
 - Fax: (84-8) 3821 1096
 - E-mail: cnt@cnt.com.vn; info@cnt.com.vn
 - Website: <http://cnt.com.vn>
- 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật công ty sẽ do Hội đồng quản trị chỉ định.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.</i>
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.</i>
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.</i>
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.</i>
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.</i>
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.</i>
9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình <i>Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.</i>
0149	Chăn nuôi khác <i>Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).</i>
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.</i>
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.</i>
4541	Bán mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Kinh doanh xe máy.</i>
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <i>Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.</i>
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.</i>

6190	Hoạt động viễn thông khác <i>Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.</i>
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. <i>Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. <i>Chi tiết: Khai thác mỏ.</i>
4633	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)</i>
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.</i>
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. <i>Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.</i>
4632	Bán buôn thực phẩm. <i>Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.</i>
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)</i>
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản.</i>
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. <i>Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).</i>
7310	Quảng cáo. <i>Chi tiết: Quảng cáo thương mại.</i>
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</i>
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư.</i> - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. <i>Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.</i>
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. <i>Chi tiết: Môi giới.</i>
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao</i>

	<i>công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.</i>
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại</i>
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại <i>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)</i>
5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)</i>
0121	Trồng cây ăn quả
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống <i>Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)</i>
0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào
4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)
4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).</i>
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh). Bán lẻ sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.</i>
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn</i>
4724	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh
4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật

	tự, an toàn xã hội).
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền</i>
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê</i>
7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí <i>Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao</i>
7911	Đại lý du lịch
7912	Điều hành tua du lịch <i>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế</i>
7790	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. <i>Chi tiết: dịch vụ hỗ trợ thủ tục lên máy bay.</i>
8551	Giáo dục thể thao và giải trí <i>Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)</i>
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề <i>Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em</i>
9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).</i>
9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) <i>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu <i>Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).</i>
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)</i>
8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế <i>Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)</i>
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
8511	Giáo dục nhà trẻ (không hoạt động tại trụ sở)
8512	Giáo dục mẫu giáo (không hoạt động tại trụ sở)
8521	Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở)
8522	Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở)
8531	Đào tạo sơ cấp <i>Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)</i>
8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. <i>(không hoạt động tại trụ sở).</i>

8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)</i>

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm về xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. **Vốn điều lệ của Công ty là 503.927.850.000 VND (Năm trăm lẻ ba tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).**
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 50.392.785 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ

đồng nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo của các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Công ty tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán (trực thuộc Hội đồng quản trị);
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và tài liệu khác, trừ những tài liệu có liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

- c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả Nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định pháp luật tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các

- cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải phải **khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày** kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b và điểm d khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;
 - c. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật;
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - d. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại;
 - e. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - p. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - s. Các vấn đề khác theo quy định tại pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông

qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
 - h. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở

giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ nhất 33% tổng số

phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên khác nhau làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - c. Định hướng phát triển Công ty;
 - d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu

quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số Doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc công bố thông tin và đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy

đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:
- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - c. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần

có quyền biểu quyết của công ty;

- e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 (ba) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, **chuyển đổi loại hình**, giải thể, **tạm dừng hoạt động** công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc

họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến với các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Biên bản họp Hội đồng quản trị:
 - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty.
 - Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng.
 - Biên bản họp HĐQT phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
14. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:
Trong trường hợp Chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu

được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực.

15. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

- a. Sau mỗi kỳ họp các quyết định của Hội đồng quản trị phải gửi đến tất cả các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định.
- b. Nghị quyết HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- c. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Nghị quyết Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Nghị quyết tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản Điều 24 Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.
5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành

viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và (01) một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm những người được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc;
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế công ty, Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

- j. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - k. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - l. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - m. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - n. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty
5. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.
7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có trách nhiệm:

- 1. Thừa hành Hội đồng quản trị để thực hiện công tác triệu tập, chuẩn bị hậu cần, tổng hợp tài liệu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- 2. Tham dự, ghi chép Biên bản các cuộc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Thư ký Công ty phải ký tên vào các Biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung trong các Biên bản;
- 3. Hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng, quyền hạn được giao;

4. Quản lý, lưu trữ, bảo mật, trích xuất và cung cấp (khi cần thiết) đối với các thông tin về quản trị Công ty; bản sao Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị; thông tin về cổ đông, danh sách cổ đông; và các thông tin khác có liên quan đến tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;
5. Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Phụ trách Quản trị Công ty trong việc triển khai các chức năng của Phụ trách Quản trị Công ty;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và quy định pháp luật.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của

Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên và biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

h. Các nội dung khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu

tiền có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

d. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty
2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
 5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán

toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự

chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên, báo cáo quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó

cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác
 - c. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - d. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ủy ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2025 tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

PHẠM QUỐC KHÁNH

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----



QUY CHẾ

NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025)

Tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 8. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	8
Điều 9. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	9
Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	9
Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	10
Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến	11
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 14. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	14

Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 18. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.....	17
Điều 19. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	17
Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	17
Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	17
Điều 22. Thư ký công ty.....	18
CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC	19
Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	19
Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	20
CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN	21
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán	21
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	21
Điều 27. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán	22
Điều 28. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	22
CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	22
Điều 29. Trách nhiệm cảnh trọng	22
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	22
Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	24
CHƯƠNG VII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	24
Điều 32. Thủ tục trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	24
Điều 33. Triệu tập cuộc họp HĐQT theo yêu cầu	25
Điều 34. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc.....	25

Điều 35. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	25
Điều 36. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.....	26
Điều 37. Vấn đề TGD báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT	26
Điều 38. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	27
CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	27
Điều 39. Phương thức đánh giá hoạt động	27
Điều 40. Tiêu chí đánh giá hoạt động.....	28
Điều 41. Xếp loại đánh giá.....	28
Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật.....	28
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	29
Điều 43. Hiệu lực thi hành.....	29

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/DHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm các nội dung sau:

-----***-----

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. Đồng thời, Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Luật doanh nghiệp” nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, [được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 2. “Luật chứng khoán” nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, [được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024](#) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 3. “Quản trị Công ty” nghĩa là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý và hiệu quả;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông.
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 4. “Công ty” nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.
 5. “ĐHĐCĐ” nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty
 6. “HĐQT” nghĩa là Hội đồng quản trị
 7. “TGD” nghĩa là Tổng Giám đốc
 8. “Phó TGD” nghĩa là Phó Tổng Giám đốc
 9. “UBKT” nghĩa là Ủy ban kiểm toán của Công ty
 10. “Người có liên quan” là những tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định cụ thể tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 11. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
 12. “UBCKNN” nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 13. “VSDC” nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Đối với cổ phiếu lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và danh sách cổ đông do VSDC cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 115, Điều 119 của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
 - l) Phê duyệt quy chế nội bộ quản trị; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và các nội dung liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định từ Điều 13 đến Điều 20, Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Nếu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có quy định thời gian, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo.
2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của Pháp luật và Điều 15 Điều lệ công ty. Trường hợp văn bản ủy quyền không thể hiện rõ nội dung, phạm vi, số lượng của phần ủy quyền thì ủy quyền đó được xem là ủy quyền toàn bộ.

Điều 8. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết

1. Phiếu biểu quyết được gửi tới cổ đông kèm theo thư mời họp hoặc phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng hình thức điện tử.
2. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp hoặc sử dụng biểu quyết hình thức bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do công ty cung cấp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của cổ đông hoặc được xác thực bằng hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu
3. Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa sẽ tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.
4. Khi thực hiện kiểm phiếu, các ý kiến biểu quyết không có ý kiến không được tính vào số phiếu tán thành.
5. Chủ tọa Đại hội sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại Đại hội.
6. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

Điều 9. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - c. Định hướng phát triển Công ty;
 - d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản; Phương thức biểu quyết bằng văn bản; và Trình tự triển khai việc kiểm phiếu đối với các ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.
3. HĐQT thành lập Ban kiểm phiếu đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản. Thành phần của Ban kiểm phiếu tối thiểu gồm:
 - a) Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban kiểm phiếu;
 - b) Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại Công ty;

c) Phụ trách Quản trị Công ty và/hoặc Thư ký Công ty.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải trực tiếp hình ảnh, âm thanh của cuộc họp, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến, thảo luận và đóng góp ý kiến tại cuộc họp. Địa điểm chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là nơi Chủ tọa tham dự và điều hành cuộc họp.
2. HĐQT quyết định việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong các trường hợp có các sự kiện không thuận lợi và/hoặc khó khăn cho việc tổ chức cuộc họp trực tiếp.
3. Trình tự, thủ tục triệu tập, lập Danh sách cổ đông dự họp; Thời hạn công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông dự họp, gửi Thông báo mời họp, đăng tải Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như trình tự của cuộc họp trực tiếp.
4. Để tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, Công ty phải thiết lập Hệ thống tổ chức Cuộc họp (gọi tắt là “Hệ thống”). Hệ thống có thể được xây dựng trên một hoặc nhiều ứng dụng và/hoặc nền tảng, nhưng phải đảm bảo tính bảo mật, đồng bộ, có khả năng xác thực thông tin cổ đông, truyền tải ổn định âm thanh, hình ảnh của cuộc họp và phải do Công ty nắm quyền kiểm soát.
5. Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông dự họp được cấp một (01) tài khoản và một (01) mật khẩu (có thể thay đổi tùy theo yêu cầu bảo mật của Cổ đông) để đăng nhập vào Hệ thống. Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống được xem là tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Điều kiện về tỷ lệ tham dự để tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định của cuộc họp trực tiếp.
6. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử, hoặc gửi Phiếu biểu quyết về Công ty bằng thư bảo đảm, phương tiện điện tử khác trong thời hạn biểu quyết. Người triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định hình thức biểu quyết và ấn định thời hạn biểu quyết tùy theo tình hình thực tế.
7. Kết quả biểu quyết, Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị công bố thông tin và đăng tải trên website Công ty sau khi kết thúc thời hạn biểu quyết theo Quy chế điều hành cuộc họp.
8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có trách nhiệm đảm bảo Hệ thống tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Hệ thống bỏ phiếu điện tử (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo

các tín hiệu truyền tải từ Cuộc họp đến Cổ đông tham dự không bị gián đoạn;

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;
 - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản và mật khẩu đăng nhập Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống phải bảo mật thông tin và phù hợp với quy định pháp luật;
 - Dữ liệu điện tử ghi nhận diễn biến, kết quả biểu quyết của cuộc họp phải được lưu giữ và trích xuất khi cần thiết.
9. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành Quy chế quy định về phương thức, trình tự thực hiện công tác tổ chức và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phù hợp với quy định quy định pháp luật hiện hành, các nguyên tắc và thể thức được quy định tại Điều này và tình hình, nhu cầu thực tế.

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết tùy thuộc áp dụng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp dựa trên các quy định về triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi Thư mời họp và các tài liệu kèm theo, điều kiện tiến hành Đại hội đồng trực tuyến, bỏ phiếu, kiểm phiếu và các thủ tục khác tại Điều lệ, Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 42 và Điều 43 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên

mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ

Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên..

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung Thành viên HĐQT
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản Điều 24 Điều lệ Công ty;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.
 - d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên trong các trường hợp sau đây:
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.
 - e) Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên HĐQT tuân thủ quy định tại Điều 27 Điều lệ và Điều 163 Luật Doanh nghiệp. Hàng năm, HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ về thù lao đã chi trả cho HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao của HĐQT cho năm tiếp theo.

Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc theo yêu cầu của một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng theo khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn;
 - b) Các cuộc họp HĐQT nêu tại điểm a khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy ban kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị .
4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị : Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
5. Cách thức biểu quyết: Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp: Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Biên bản họp HĐQT: các cuộc họp của HĐQT phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng. Biên bản họp HĐQT phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:
Trong trường hợp Chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực.
10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:
- a) Sau mỗi kỳ họp các quyết định của Hội đồng quản trị phải gửi đến tất cả các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định.
- b) Nghị quyết HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- c) Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Nghị quyết Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Nghị quyết tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 18. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Các quy định chi tiết của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị tại Chương V - Ủy ban Kiểm toán của Quy chế này.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty :
 - a) Am hiểu về pháp luật;
 - b) Có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động tổ chức và quản trị Công ty;
 - c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thông báo Người phụ trách quản trị công ty:
 - a) HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
 - b) Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp:
 - Có đơn xin thôi giữ vị trí hoặc nghỉ việc;
 - Không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty;
 - Các trường hợp khác theo quyết định của HĐQT.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j)
- k) Tư vấn cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm trong Công ty để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty, hệ thống quản trị nội bộ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành;
- l) Tổ chức và theo dõi việc thực hiện các lộ trình để hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty và tham vấn cho Hội đồng quản trị về các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 22. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có trách nhiệm:

1. Thừa hành Hội đồng quản trị để thực hiện công tác triệu tập, chuẩn bị hậu cần, tổng hợp tài liệu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
2. Tham dự, ghi chép Biên bản các cuộc Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ. Thư ký Công ty phải ký tên vào các Biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung trong các Biên bản;
3. Hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng, quyền hạn được giao;
4. Quản lý, lưu trữ, bảo mật, trích xuất và cung cấp (khi cần thiết) đối với các thông tin về quản trị Công ty; bản sao Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của

Hội đồng quản trị; thông tin về cổ đông, danh sách cổ đông; và các thông tin khác có liên quan đến tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;

5. Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Phụ trách Quản trị Công ty trong việc triển khai các chức năng của Phụ trách Quản trị Công ty;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua ;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 9.
10. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
11. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
12. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên

cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

13. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
14. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế công ty, Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
 - a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
 - b) Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - c) Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a) Các thành viên HĐQT có thể ứng cử, đề cử ứng viên Tổng giám đốc để HĐQT quyết định.
 - b) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.
3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:
 - a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.
 - b) Việc ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, Quy chế này và quy định khác của Công ty (nếu có).

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đăng tải trên website của Công ty, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và các cơ quan, đối tác có liên quan.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 27. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 28. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên và biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ **dưới 35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị **lớn hơn hoặc bằng 35%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ **35%** trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.
 - d. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Thủ tục trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

1. Thành viên Ban Tổng Giám đốc (không phải là thành viên HĐQT) có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban TGD như đối với thành viên HĐQT. Ban TGD có nghĩa vụ trực tiếp hoặc cử đại diện tham dự cuộc họp của HĐQT theo thông báo mời họp.

Thành viên Ban TGD dự họp có thể tham gia thảo luận và tham mưu cho HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết. Chủ tịch HĐQT sẽ gửi văn bản thông báo Nghị quyết của HĐQT cho TGD trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

2. Khi cần thiết, TGD có thể mời một số thành viên HĐQT tham dự cuộc họp của Ban TGD để tham mưu những vấn đề liên quan. Thư mời được gửi cho người được mời như đối với thành viên Ban TGD. TGD sẽ gửi văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 33. Triệu tập cuộc họp HĐQT theo yêu cầu

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a) TGD hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - b) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của HĐQT;
 - c) Thành viên HĐQT độc lập.
2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT.

Điều 34. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Tất cả các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Tổng giám đốc trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.

Điều 35. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng quản trị xem xét và phê chuẩn; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định điều chỉnh.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái với pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng giám đốc có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định này.
5. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực khắc phục tình trạng thua lỗ, Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng giám đốc.
6. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ công ty của Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết.
7. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế chính sách hướng phát triển chung dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của công ty thì Tổng giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.
8. Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 36. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Các nội dung kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD được đề cập trong chương trình họp HĐQT.

Điều 37. Vấn đề TGD báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT

1. TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm theo quy định tại Điều lệ.
2. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây

gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
4. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan có liên quan khi được yêu cầu.

Điều 38. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên HĐQT, Ban TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại và thông báo về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc vì lợi ích chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phương thức đánh giá hoạt động

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD thực hiện theo quy định của Công ty và một hoặc một số hoặc tất cả những phương thức sau (nếu có):
 - a) Tự nhận xét đánh giá;
 - b) Đánh giá hoạt động theo định kỳ 06 tháng;
 - c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào cuối năm;
 - d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e) Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. TGD sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do TGD bổ nhiệm.
4. Kết quả đánh giá được sử dụng làm thông tin cho quá trình xét thi đua khen thưởng theo quy định của Công ty.

Điều 40. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban TGD căn cứ vào các tiêu chí sau:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
2. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
3. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, giữa các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.
4. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
5. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, nội quy Công ty và pháp luật.
6. Các tiêu chí khác theo từng thời kỳ.

Điều 41. Xếp loại đánh giá

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, Ban TGD được phân loại như sau:
 - a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
 - b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
 - c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - d) Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các văn bản đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban TGD phải được lưu giữ tại Công ty.

Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:
 - a) Các thành viên HĐQT, Ban TGD có thành tích trong công việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được cấp thẩm quyền xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành của Công ty.
 - b) Các hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty tại từng thời điểm.
2. Kỷ luật:
 - a) Các thành viên HĐQT, Ban TGD trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ, Tổng giám đốc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng

quản trị và các quy định khác của Công ty thì tùy tính chất mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

- b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.
- c) Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật thì quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên được áp dụng.
2. Quy chế này có **09** Chương và **43** Điều, có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM QUỐC KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----



QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025)

Tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
CHƯƠNG II	5
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:	6
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
CHƯƠNG III	10
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	12
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	13
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	13
CHƯƠNG IV	14
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị:	14
Điều 16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị:	16
CHƯƠNG V	17
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	17
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	17
CHƯƠNG VI	18
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	19
Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán	19
CHƯƠNG VII.....	19
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	19
Điều 23. Hiệu lực thi hành:	19

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp

Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, **chuyển đổi loại hình**, giải thể, **tạm dừng hoạt động** công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 4 điều 13 Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 điều 13 Điều lệ Công ty.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành

viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty;

người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị do Thành viên Hội đồng quản trị độc lập báo cáo.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm hỗ trợ thông tin lẫn nhau về các vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công;
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp các thành viên có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ [ngày 28 tháng 04 năm 2025](#).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên độc lập HĐQT ngày 31/12/2024 của ông Lý Chí Tùng;

Xét tình hình thực tế.

Ngày 31/12/2024, ông Lý Chí Tùng đã có đơn từ nhiệm chức danh thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, thời gian từ nhiệm có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty thông qua.

Để đáp ứng nguyện vọng của ông Lý Chí Tùng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đơn từ nhiệm, miễn nhiệm chức danh thành viên độc lập Hội đồng quản trị của ông Lý Chí Tùng.

Sau khi đơn từ nhiệm của ông Lý Chí Tùng được chấp thuận, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhiệm kỳ 2021-2026 hoạt động với 3 thành viên còn lại và vẫn đáp ứng quy định về cơ cấu của Hội đồng quản trị theo pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT;
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CNT

Tôi tên là: Lý Chí Tùng Sinh ngày: 07/10/1962

CCCD số: 001062018427 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH

Chức vụ hiện tại: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Trong suốt thời gian là Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, tôi luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi công việc và trách nhiệm với cương vị được giao phó.

Nay vì lý do cá nhân, nay tôi làm đơn này gửi đến Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT xem xét chấp thuận cho tôi từ nhiệm chức danh Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Kể từ ngày 01/01/2025, tôi cam kết không tham gia vào tất cả cuộc họp HĐQT và từ chối có ý kiến với mọi vấn đề cần biểu quyết trực tiếp/lấy ý kiến bằng văn bản; không nhận bất kỳ thù lao nào liên quan đến tư cách thành viên HĐQT; không can thiệp hoặc có bất kỳ ảnh hưởng nào đối với hoạt động quản lý, điều hành hay bất kỳ quyết định nào của Công ty.

Kính mong Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT xem xét và chấp thuận. Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị đã tin tưởng, đồng viên và đồng hành cùng với tôi trong thời gian vừa qua.

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI LÀM ĐƠN



LÝ CHÍ TÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT (CNT GROUP)****Địa chỉ:** 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM**Điện thoại:** 028.3829 5488 – 028 3821 3189 – 028 3829 5604**Website:** cnt.com.vn **Email:** cnt@cnt.com.vn**CHƯƠNG TRÌNH****Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025****Thời gian:** Thứ Hai, ngày 28/04/2025 (từ 8h00 đến 11h20)**Địa điểm:** Bảo Tàng Hồ Chí Minh – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh**Địa chỉ:** 01 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
PHẦN I: ĐÓN KHÁCH		
1	08h00-08h30	Đón tiếp đại biểu, khách mời, cổ đông Kiểm tra tư cách cổ đông, thống kê số lượng cổ đông tham dự Phát tài liệu và thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.
PHẦN II: THỦ TỤC KHAI MẠC		
2	08h30-08h40	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội Giới thiệu và biểu quyết thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu
3	08h40-08h50	Trình bày và biểu quyết thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội
PHẦN III: NỘI DUNG ĐẠI HỘI		
4	08h50-09h00	Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025.
5	09h00-09h10	Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.
6	09h10-09h15	Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025.
7	09h15-09h20	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.
8	09h20-09h25	Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và KH chi trả thù lao năm 2025
9	09h25-09h35	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.
10	09h35-09h45	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.
11	09h45-09h50	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025.
12	09h50-09h55	Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
13	09h55-10h00	Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh.
14	10h00-10h05	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
15	10h05-10h10	Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
PHẦN IV: NGHỊ LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT		
16	10h10-10h30	ĐHĐCĐ tiến hành thảo luận các nội dung họp
17	10h30-10h35	ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp
18	10h35-11h00	Giờ nghỉ giải lao. Kiểm phiếu biểu quyết.
19	11h10-11h15	Ban kiểm phiếu đọc kết quả biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội.
PHẦN V: KẾT LUẬN		
20	11h15-11h20	Thông qua dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết tại Đại hội
21	11h20	Bế mạc Đại hội

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2025

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT**

Để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Tập Đoàn CNT tiến hành thuận lợi và đúng các quy định, Hội đồng quản trị trình trước Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

Điều 1: Quy định chung:

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông; đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Tập Đoàn CNT (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) để đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích:

Quy chế này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế về nội bộ về quản trị công ty. Đảm bảo cho cổ đông thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Đại hội. Đảm bảo cho Đại hội hoàn thành chương trình Nghị sự đã đề ra.

Điều 3: Chương trình họp Đại hội

- Chương trình dự kiến họp của Đại hội được đăng tải lên website để các cổ đông theo dõi.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Hội đồng quản trị chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào chương trình dự kiến, nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự;



2. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thông báo mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón;
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp;
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong phòng họp;
5. Giao tiếp hoà nhã, thân thiện, không bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội;
6. Phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ theo sắp xếp của Ban tổ chức;
7. Tuyệt đối tuân thủ theo điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

CHƯƠNG I

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5: Đoàn Chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn chủ tịch, gồm có Chủ tịch (Chủ tịch HĐQT) và các thành viên do Chủ tịch giới thiệu. Chủ tịch HĐQT là người chủ trì Đại hội (tức Chủ tọa), Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc dân chủ và phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế về nội bộ và quản trị công ty.

Đoàn chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình Nghị sự, các quy chế, thể lệ, đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội diễn ra.
3. Có quyền hoãn, dời Đại hội đến một thời điểm khác hoặc một địa điểm họp trong trường hợp cá nhân/tổ chức tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự có nguy cơ mất an toàn và làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu/ đề xuất.
5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 6: Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho Đoàn chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Thư ký có nhiệm vụ:
 - Ghi chép đầy đủ và trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
 - Hỗ trợ đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

Điều 7: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có 03-05 người do Đoàn Chủ tịch cử ra và có trách nhiệm:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp;
2. Phát tài liệu và thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết cho cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
3. Báo cáo kết quả cho Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8: Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội;
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết;
- Tổ chức phát phiếu, thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết;
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông và các vấn đề thông qua tại Đại hội. Công bố kết quả biểu quyết;
- Bàn giao kết quả biểu quyết, cho Đoàn chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

CHƯƠNG II

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Điều 9: Thảo luận tại Đại hội

- Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào nội dung trọng tâm cần trao đổi. Ý kiến phát biểu phải phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được thông qua, nội dung phát biểu không vi phạm các quy định về pháp luật, liên quan các vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp.

3. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, các ý kiến đóng góp/ kiến nghị chỉ được diễn ra trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp các ý kiến trùng lặp sẽ được đoàn chủ tịch chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Đoàn chủ tịch sẽ lần lượt trả lời các ý kiến của cổ đông hoặc chỉ định thành viên trong Ban điều hành công ty phản hồi ý kiến.

Điều 10: Biểu quyết tại Đại hội

Khi cổ đông đăng ký tham dự Đại hội sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một **THẺ BIỂU QUYẾT** và một **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Trên mỗi **THẺ BIỂU QUYẾT** và **PHIẾU BIỂU QUYẾT** có ghi mã số cổ đông, tên cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó, trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT** có các nội dung cuộc họp cần biểu quyết.

45012
VNG TY
PHẦN
ĐOÀN
NT
HỒ CH

A. Hình thức dùng **THẺ BIỂU QUYẾT**:

I. THẺ BIỂU QUYẾT dùng để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT như: **Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội, Bầu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu**, thông qua **Chương trình đại hội** và thông qua **Nghị quyết, Biên bản họp của Đại hội**, tất cả các nội dung trên phải được biểu quyết công khai và trực tiếp;

1. Cổ đông sẽ giơ toàn bộ **THẺ BIỂU QUYẾT** của mình khi Chủ tọa hỏi ý kiến về các vấn đề nêu trên. Ban kiểm phiếu sẽ đếm số Thẻ biểu quyết ủng hộ trước, kế đến đếm số Thẻ biểu quyết phản đối, cuối cùng đếm số Thẻ biểu quyết không có ý kiến;

2. Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết, được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu;

3. Các nghị quyết, quyết định nêu trên chỉ có giá trị khi có từ 65% trở lên *tổng số cổ phần có quyền biểu quyết* của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ tán thành (chấp thuận).

B. Hình thức dùng **PHIẾU BIỂU QUYẾT**:

II. PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để thông qua các báo cáo, tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT như:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025.
2. Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.
3. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025.
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.
5. Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và KH chi trả thù lao năm 2025
6. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.
7. Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.
8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025.
9. Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
10. Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh.
11. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
12. Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.
13. Thông qua các nội dung khác liên quan đến thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có).

- Cổ đông đánh dấu (x) hoặc (v) vào một trong ba ô tương ứng: **Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến** dưới mỗi vấn đề cần biểu quyết, được in trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Ban kiểm phiếu sẽ đến từng bàn trực tiếp thu **PHIẾU BIỂU QUYẾT**, kiểm phiếu và tập hợp số phiếu biểu quyết **Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến** tương ứng với từng quyết định, để công bố kết quả ngay sau đó trong đại hội;

- Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu;
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do CNT Group phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của CNT Group trên phiếu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.
 - + Đánh dấu nhiều hơn 01 lựa chọn ở cùng một nội dung.
- Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

Điều 11: Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

Tất cả các nội dung và ý kiến của Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Kết luận các nội dung được thông qua đưa vào Nghị quyết. Nghị quyết và Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *qu*
CHỦ TỊCH

Phạm Quốc Khánh
PHẠM QUỐC KHÁNH

C.T.C.P
H.N.H.

Số: 01/BBKP-CNT

TP. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 15, ngày 28/04/2025 tại Hội trường Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 01 Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, TP HCM.

Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu những vấn đề biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần Ban kiểm phiếu:

- | | |
|------------------------------|---------------|
| 1. Ông Nguyễn Huy Vũ | - Trưởng ban; |
| 2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh | - Thành viên; |
| 3. Ông Danh Út | - Thành viên; |
| 4. Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi | - Thành viên; |
| 5. Ông Lâm Hoàng Thanh | - Thành viên. |

II. Nội dung kiểm phiếu biểu quyết:

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội, tổng số cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) là 58 cổ đông, đại diện cho 47.126.951 cổ phần, tương đương với 93,51924% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng tờ phiếu phát ra: 58 tờ, đại diện cho 47.126.951 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng tờ phiếu thu về: 55 tờ, đại diện cho 47.126.937 phiếu biểu quyết, chiếm 99,99997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng tờ phiếu không thu về: 3 tờ, đại diện cho 14 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00003% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- **Phương thức biểu quyết:** Bỏ phiếu kín.

- **Kết quả kiểm phiếu:**

TT	Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết	Số phiếu biểu quyết hợp lệ	Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
					Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025.	47.126.951	47.126.936	1	47.126.936	99,99997%	0	0,00000%	0	0,00000%
2	Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	47.126.951	47.126.936	1	47.126.936	99,99997%	0	0,00000%	0	0,00000%
3	Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025.	47.126.951	47.126.936	1	47.126.936	99,99997%	0	0,00000%	0	0,00000%
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.	47.126.951	47.126.936	1	47.116.856	99,97858%	0	0,00000%	10.080	0,02139%
5	Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và kế hoạch	47.126.951	47.126.936	1	47.126.936	99,99997%	0	0,00000%	0	0,00000%

TT	Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết	Số phiếu biểu quyết hợp lệ	Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
					Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %
	chi trả thù lao năm 2025.									
6	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.	47.126.951	47.126.936	1	47.116.856	99,97858%	0	0,00000%	10.080	0,02139%
7	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.	47.126.951	47.126.936	1	47.116.856	99,97858%	0	0,00000%	10.080	0,02139%
8	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025.	47.126.951	47.126.936	1	47.116.856	99,97858%	0	0,00000%	10.080	0,02139%
9	Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng	47.126.951	47.126.936	1	47.126.936	99,99997%	0	0,00000%	0	0,00000%

TT	Nội dung	Tổng số phiếu biểu quyết	Số phiếu biểu quyết hợp lệ	Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
					Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ %
	khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).									
10	Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh.	47.126.951	47.126.936	1	47.126.936	99,99997%	0	0,00000%	0	0,00000%
11	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.	47.126.951	47.126.936	1	47.116.856	99,97858%	0	0,00000%	10.080	0,02139%
12	Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021 -2026	47.126.951	47.126.936	1	47.116.856	99,97858%	0	0,00000%	10.080	0,02139%

Với kết quả nêu trên, các nội dung sau đây đã được ĐHĐCĐ thông qua:

STT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ thông qua
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025.	99,99997%
2	Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	99,99997%
3	Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025.	99,99997%
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.	99,97858%
5	Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.	99,99997%
6	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.	99,97858%
7	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.	99,97858%
8	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025.	99,97858%
9	Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).	99,99997%
10	Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh.	99,99997%
11	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.	99,97858%
12	Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026	99,97858%

Biên bản kiểm phiếu được lập tại chỗ và hoàn tất vào lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày, được tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận.

Biên bản kiểm phiếu này được công bố tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Ban kiểm phiếu bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Hội đồng quản trị Công ty. ✓

BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN



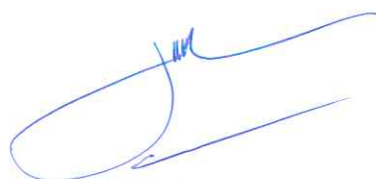
Nguyễn Huy Vũ

THÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Tuyết Trinh

THÀNH VIÊN



Danh Út

THÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Mỹ Chi

THÀNH VIÊN



Lâm Hoàng Thanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông: (STT:)

Họ và tên người đại diện của cổ đông:

Số lượng CP sở hữu:

Số lượng CP nhận ủy quyền: CP

Tổng số lượng CP biểu quyết: CP



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI/ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Cổ đông:

Người đại diện ủy quyền (nếu có):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD:

Câu hỏi/ý kiến:

.....

.....

.....

.....

.....



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG:.....

Họ và tên cổ đông:

Họ tên người được ủy quyền:

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
01	Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2024 và định hướng năm 2025.	☐	☐	☐
02	Nội dung 2: Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	☐	☐	☐
03	Nội dung 3: Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2024 và định hướng năm 2025.	☐	☐	☐
04	Nội dung 4: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.	☐	☐	☐
05	Nội dung 5: Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2024 và KH chi trả thù lao năm 2025.	☐	☐	☐
06	Nội dung 6: Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.	☐	☐	☐
07	Nội dung 7: Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.	☐	☐	☐
08	Nội dung 8: Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2025.	☐	☐	☐
09	Nội dung 9: Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).	☐	☐	☐
10	Nội dung 10: Báo cáo về việc thay đổi một số ngành nghề kinh doanh.	☐	☐	☐
11	Nội dung 11: Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị về nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.	☐	☐	☐
12	Nội dung 12: Tờ trình thông qua miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.	☐	☐	☐

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

**CỔ ĐÔNG HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cổ đông đánh dấu (x) hoặc (v) vào một trong ba cột lựa chọn tương ứng với từng nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do CNT Group phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của CNT Group trên phiếu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.
 - + Đánh dấu nhiều hơn 01 lựa chọn ở cùng một nội dung.
 - + Các nội dung khác theo Quy chế làm việc và biểu quyết tại cuộc họp.